

Số: /2026/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về điều kiện, diện tích tối thiểu tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 58/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15, Luật số 146/2025/QH15 và Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 643/TTr-SNNMT ngày 08 tháng 6 năm 2026; ý kiến thẩm định của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 717/BC-STP ngày 03 tháng 6 năm 2026 và ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh được Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp tại Công văn số 2769/VP-NNXD ngày 19 tháng 6 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định về điều kiện, diện tích tối thiểu tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định cụ thể về điều kiện, diện tích tối thiểu được tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo khoản 4 Điều 220 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

2. Quyết định này không áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Tách thửa đất để thực hiện quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

b) Tách thửa đất đồng thời với bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;

c) Tách thửa đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước, tặng cho quyền sử dụng đất cho cộng đồng dân cư để xây dựng các công trình phục vụ lợi ích chung của cộng đồng; tách thửa đất do thực hiện chính sách của Nhà nước về đất đai cho hộ gia đình, cá nhân thuộc diện chính sách, hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, tặng cho quyền sử dụng đất để làm nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết gắn liền với đất;

d) Tách thửa đất đối với trường hợp người sử dụng đất được Nhà nước giao đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư, Khu đô thị theo quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

đ) Tách thửa đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội theo chủ trương đầu tư của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất;

e) Tách thửa đất để phân chia thừa kế hoặc tách thửa đất để phân chia thừa kế đồng thời tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc tách thửa đất để phân chia thừa kế đồng thời với thỏa thuận phân chia tài sản hộ gia đình;

g) Người sử dụng đất có nhu cầu hợp 02 (hai) hoặc nhiều thửa đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành 01 (một) thửa đất.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước về đất đai; Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân đang sử dụng đất có nhu cầu tách thửa đất, hợp thửa đất.

3. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc giải quyết thủ tục về tách thửa đất, hợp thửa đất theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 220 Luật Đất đai

1. Điều kiện chung.

a) Thửa đất hoặc một phần thửa đất đã xác định được diện tích, ranh giới, không nằm trong khu vực có thông báo thu hồi đất hoặc quyết định thu hồi đất đang có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; trường hợp có thông báo thu hồi đất hoặc quyết định thu hồi đất thì chỉ xem xét giải quyết theo quy định pháp luật về đất đai và quy định chuyển tiếp (nếu có);

b) Về lối đi:

Việc tách thửa đất, hợp thửa đất phải đảm bảo có lối đi (lộ giao thông, bờ kênh, bờ đê, bờ bao của thửa đất, sông, rạch, kênh, mương) kết nối với đường giao thông công cộng (đường thủy hoặc đường bộ) hoặc được người sử dụng đất liền kề đồng ý cho đi qua trong trường hợp không có lối đi để kết nối với đường giao thông công cộng (đường thủy hoặc đường bộ).

Trường hợp người sử dụng đất dành một phần diện tích của thửa đất ở hoặc thửa đất có đất ở và đất khác trong cùng thửa đất để làm lối đi, khi thực hiện việc

tách thửa đất hoặc hợp thửa đất thì không bắt buộc thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất đối với phần diện tích đất để làm lối đi đó.

Ngoài quy định trên, lối đi được thực hiện theo quy định của pháp luật và các văn bản quy định, hướng dẫn có liên quan.

c) Về kích thước thửa đất:

Chiều rộng thửa đất tiếp giáp với lối đi quy định tại điểm b khoản này bằng hoặc lớn hơn 04m (bốn mét) và chiều sâu của thửa đất bằng hoặc lớn hơn 05m (năm mét).

Kích thước chiều rộng của thửa đất được tính vuông góc với cạnh dài, trường hợp thửa đất có hình thể đặc biệt (không phải là hình vuông, hình chữ nhật, hình bình hành) thì chiều rộng tối thiểu của thửa đất được xác định tại vị trí cạnh tiếp giáp giao thông đường bộ, giao thông đường thủy hoặc bờ kênh, bờ đê, đường đất công cộng do Nhà nước quản lý hoặc lối đi hoặc chỉ giới quy hoạch giao thông.

Trường hợp thửa đất nông nghiệp không tiếp giáp sông, rạch, kênh, mương để lấy nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (trồng lúa hoặc nuôi trồng thủy sản), người sử dụng đất có nhu cầu nhận chuyển quyền một phần diện tích của thửa đất liền kề tiếp giáp sông, rạch, kênh, mương để làm đường dẫn nước thì thực hiện tách thửa đồng thời với việc hợp thửa đất liền kề: Kích thước chiều rộng của thửa đất đối với đất trồng lúa nhận chuyển quyền bằng hoặc lớn hơn 01m (một mét), đối với đất nuôi trồng thủy sản nhận chuyển quyền bằng hoặc lớn hơn 02m (hai mét).

2. Điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất:

a) Trường hợp thửa đất mới tách thửa có diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu tách thửa quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 4 Quyết định này thì phải thực hiện đồng thời hợp thửa với thửa đất liền kề hoặc phải thực hiện đồng thời thủ tục tách thửa, chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất và hợp thửa đất để thửa đất mới hình thành đảm bảo điều kiện, diện tích tối thiểu quy định của Quyết định này;

b) Trường hợp thực hiện tách thửa đất không có lối đi đồng thời hợp với thửa đất liền kề (thửa đất đã hình thành và được cấp Giấy chứng nhận) để hình thành thửa đất mới thì không áp dụng điều kiện về lối đi và diện tích nhưng thửa đất còn lại sau khi tách thửa phải đảm bảo diện tích tối thiểu quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 4 Quyết định này;

c) Đối với 02 (hai) thửa đất hình thành do thực hiện lộ giao thông công cộng, trong đó có 01 (một) thửa tiếp giáp sông, kênh, rạch, mương khi người sử dụng đất có nhu cầu tách thửa đồng thời cả 02 (hai) thửa đất thì thửa đất tiếp giáp sông, kênh, rạch, mương thì không quy định diện tích tối thiểu nhưng chiều rộng thửa đất phải đảm bảo chiều rộng tối thiểu của thửa đất theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

d) Thửa đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng tại các dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư, Khu đô thị đã được hợp thửa đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì việc tách thửa đất phải đảm bảo chiều rộng thửa đất bằng hoặc lớn hơn kích thước chiều rộng của thửa đất ban

đầu và chiều dài thửa đất phải đảm bảo theo quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Diện tích tối thiểu tách thửa đất, hợp thửa đất

1. Đối với đất ở:

a) Các phường và khu vực Trung tâm hành chính các xã: Diện tích tối thiểu là 40m²;

b) Khu vực còn lại của các xã: Diện tích tối thiểu là 50m².

2. Đối với đất ở và đất nông nghiệp trong cùng thửa đất:

a) Trường hợp tách thửa đất có nguồn gốc là đất vườn, ao gắn liền với đất ở được xác định khi công nhận quyền sử dụng đất lần đầu (kể cả các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đổi, cấp lại, nhận chuyển quyền) hoặc trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất một phần diện tích thửa đất nông nghiệp sang đất ở:

Thửa đất mới hình thành gồm có đất ở và đất nông nghiệp thì không quy định điều kiện, diện tích tối thiểu đối với đất nông nghiệp nhưng phần đất ở phải bảo đảm điều kiện, diện tích quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này và khoản 1 Điều này.

Thửa đất mới hình thành chỉ có đất nông nghiệp thì phải đảm bảo điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này và diện tích tối thiểu được quy định như sau: Các phường và khu vực Trung tâm hành chính các xã: Diện tích tối thiểu là 80m², khu vực còn lại của các xã: Diện tích tối thiểu là 100m².

b) Trường hợp tách thửa đất có đất ở (có nguồn gốc do chuyển mục đích sử dụng đất từ đất khác sang đất ở) và đất nông nghiệp:

Thửa đất mới hình thành gồm có đất ở và đất nông nghiệp thì không quy định điều kiện, diện tích tối thiểu đối với đất nông nghiệp nhưng phần đất ở phải bảo đảm điều kiện, diện tích quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này và khoản 1 Điều này.

Thửa đất mới hình thành chỉ có đất ở hoặc đất nông nghiệp thì phải bảo đảm điều kiện, diện tích quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này và khoản 1, 4, 5, 6, 7 Điều này.

c) Trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất một phần diện tích thửa đất nông nghiệp sang đất ở hoặc sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở mà có thực hiện tách thửa:

Thửa đất mới hình thành gồm có đất ở và đất nông nghiệp thì không quy định điều kiện, diện tích tối thiểu đối với đất nông nghiệp nhưng phần đất ở phải bảo đảm điều kiện, diện tích quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này và khoản 1 Điều này.

Thửa đất mới hình thành chỉ có đất nông nghiệp thì phải đảm bảo điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này và diện tích tối thiểu được quy định như sau: Các phường và khu vực Trung tâm hành chính các xã: Diện tích tối thiểu là 80m², khu vực còn lại của các xã: Diện tích tối thiểu là 100m².

Thửa đất phi nông nghiệp không phải đất ở mới hình thành phải bảo đảm điều kiện, diện tích quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Đối với đất phi nông nghiệp không phải là đất ở:

a) Trường hợp dự án đầu tư đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo pháp luật đầu tư thì việc tách thửa được thực hiện khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định chấp thuận chủ trương chuyển nhượng một phần dự án đầu tư;

b) Trường hợp tách thửa đất để hoạt động kinh doanh mà thuộc ngành, nghề có quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng đất, thì diện tích tối thiểu được phép tách thửa xác định theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng đất cho một cơ sở hoặc địa điểm hoạt động kinh doanh của ngành, nghề đó;

c) Trường hợp không có quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng đất, thì diện tích tách thửa phải bằng hoặc lớn hơn 02 (hai) lần diện tích đất ở quy định tại khoản 1 Điều này và phải đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quyết định này.

4. Đối với đất trồng cây lâu năm:

a) Các phường và khu vực Trung tâm hành chính các xã: Diện tích tối thiểu là 100m²;

b) Khu vực còn lại của các xã: Diện tích tối thiểu là 150m².

5. Đối với đất trồng lúa còn lại, đất trồng cây hằng năm khác, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác:

a) Trường hợp Quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt xác định thửa đất là đất ở hoặc đất ở và đất khác:

Các phường và khu vực Trung tâm hành chính các xã: Diện tích tối thiểu là 100m².

Khu vực còn lại của các xã: Diện tích tối thiểu là 150m².

b) Trường hợp Quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt xác định thửa đất không phải là đất ở:

Các phường và khu vực Trung tâm hành chính các xã: Diện tích tối thiểu là 200m².

Khu vực còn lại của các xã: Diện tích tối thiểu là 300m².

6. Đối với đất chuyên trồng lúa:

a) Trường hợp Quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt xác định thửa đất là đất ở hoặc đất ở và đất khác:

Các phường và khu vực Trung tâm hành chính các xã: Diện tích tối thiểu là 100m².

Khu vực còn lại của các xã: Diện tích tối thiểu là 150m².

b) Trường hợp Quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt xác định thửa đất không phải là đất ở: Diện tích tối thiểu là 500m².

7. Đối với đất rừng sản xuất

a) Trường hợp vị trí thửa đất nằm ngoài khu vực Quy hoạch Lâm nghiệp và theo Quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt được xác định là đất ở hoặc đất ở và đất khác:

Khu vực Trung tâm hành chính các xã: Diện tích tối thiểu là 100m².

Khu vực còn lại của các xã: Diện tích tối thiểu là 150m².

b) Trường hợp vị trí thửa đất nằm ngoài khu vực Quy hoạch Lâm nghiệp và theo Quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt được xác định không phải là đất ở:

Khu vực Trung tâm hành chính các xã: Diện tích tối thiểu là 200m².

Khu vực còn lại của các xã: Diện tích tối thiểu là 300m².

c) Trường hợp vị trí thửa đất nằm trong khu vực Quy hoạch Lâm nghiệp và theo Quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt được xác định là đất rừng sản xuất: Diện tích tối thiểu là 01ha (một hecta).

8. Trường hợp tách 02 (hai) hoặc nhiều thửa đất đồng thời với việc hợp thửa đất để tạo thành thửa đất mới có 02 (hai) hoặc nhiều loại đất nông nghiệp (đất chuyên trồng lúa, đất trồng lúa còn lại, đất trồng cây hằng năm khác, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối, đất nông nghiệp khác, đất rừng sản xuất) thì diện tích mỗi loại đất phải đảm bảo diện tích tối thiểu quy định tại khoản 4, 5, 6 và 7 Điều này.

9. Khu vực Trung tâm hành chính các xã tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này được xác định theo quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm hành chính của xã đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp không có quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm hành chính của xã thì xác định theo phạm vi ranh giới khu vực của thị trấn trước khi sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết số 1655/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cà Mau năm 2025.

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai; các đơn vị có chức năng đo đạc, lập bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh Cà Mau thực hiện đo đạc tách thửa, hợp thửa đất, giải quyết các thủ tục về đất đai có liên quan đến tách thửa đất, hợp thửa đất và cập nhật dữ liệu đất đai đối với các trường hợp được tách thửa đất, hợp thửa đất theo đúng quy định;

b) Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan kiểm tra việc tách thửa đất, hợp thửa đất theo chức năng, nhiệm vụ được giao; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm việc tách thửa đất, hợp thửa đất trái quy định của pháp luật và Quyết định này;

c) Phối hợp với Sở Xây dựng trong việc kiểm tra việc tách thửa đất gắn với phát triển khu dân cư, bảo đảm phù hợp quy hoạch đô thị và nông thôn, điều kiện hạ tầng kỹ thuật và quản lý trật tự xây dựng theo quy định.

2. Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Cà Mau và Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các khu vực chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và trước pháp luật đối với việc giải quyết thủ tục hành chính tách thửa đất, hợp thửa đất theo Quyết định này.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường:

a) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn thường xuyên kiểm tra, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về tách thửa đất, hợp thửa đất không đúng quy định;

b) Tổ chức kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền các trường hợp mở đường giao thông, tách thửa đất trái quy định mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh nếu không kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp mở đường giao thông, tách thửa đất không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép;

c) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với cơ quan thực hiện thủ tục tách thửa đất, hợp thửa đất trong việc giải quyết thủ tục tách thửa đất, hợp thửa đất theo Quyết định này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 48/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy định về điều kiện, diện tích tối thiểu tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

b) Quyết định số 41/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành Quy định điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các giao dịch về quyền sử dụng đất liên quan đến tách thửa đất, hợp thửa đất đã được công chứng, chứng thực trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì việc tách thửa, hợp thửa đất thực hiện theo quy định pháp luật tại thời điểm tách thửa đất, hợp thửa đất đó.

2. Trường hợp tách thửa đất, hợp thửa đất đã được giải quyết theo kết quả hòa giải thành về tranh chấp đất đai được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền công nhận; thực hiện quyết định hành chính giải quyết tranh chấp, khiếu nại về đất đai; bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân trước ngày 01/8/2024 thì việc tách thửa đất, hợp thửa đất thực hiện theo kết quả giải quyết đó.

3. Đối với các hồ sơ tách thửa đất, hợp thửa đất đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận nhưng đến ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành mà chưa được giải quyết thì được thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

4. Mảnh đo đạc chỉnh lý thửa đất; Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất; Bản vẽ tách thửa đất, hợp thửa đất liên quan đến tách thửa đất, hợp thửa đất đảm bảo điều kiện về kích thước và diện tích tối thiểu được thực hiện đúng theo quy định pháp luật tại thời điểm tách thửa đất, hợp thửa đất đã được cơ quan có chức năng ký duyệt, chưa quá thời hạn theo quy định chuyên ngành đo đạc bản đồ và chưa có thay

đổi hiện trạng sử dụng đất thì người sử dụng đất được sử dụng Mạnh đo đạc chỉnh lý thửa đất để thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quyết định này nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, đơn vị gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để hỗ trợ, xử lý theo thẩm quyền. Trường hợp vượt thẩm quyền, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVB&TCTTHPL - Bộ Tư pháp ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐB Quốc hội và HĐND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các Sở, cơ quan, ban ngành;
- Công TTĐT tỉnh;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình Cà Mau;
- Phòng NN-TN;
- Lưu: VT. L012502, TH379/6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Sử